

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2022/DS-PT

Ngày: 10-11-2022

“Về việc tranh chấp quyền sử dụng  
đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi  
thường thiệt hại ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

*Các Thẩm phán:*

Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 324/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đặng Phú H, sinh năm 1938 (có mặt).

Địa chỉ: Số 26 Đường số 1, Cư xá Đô Thành, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Bà Đặng Thị M, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Số 124 đường Hủ Tiếu, ấp Long G, xã Phước H, huyện Cần G, tỉnh Long An.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện Cần G.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Cần G, huyện Cần G, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Hoài T – Trưởng phòng Tài

nguyên và Môi trường huyện Cần G (vắng mặt - có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1948 (vắng mặt - có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1951 (vợ ông S - vắng mặt có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 126 đường Hủ Tiếu, ấp Long G, xã Phước H, huyện Cần G, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Đặng Phú H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn ông Đặng Phú H trình bày trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm như sau:*

Phần đất tranh chấp tại khu A và B theo Mảnh trích đo địa chính số 170-2021 có nguồn gốc của ông bà, cha mẹ để lại cho ông, bằng khoán ai đứng tên thì ông không rõ. Cha ông chết năm 1937, mẹ ông chết năm 1989.

Năm 1955, ông đi học ở Sài Gòn. Khoảng năm 1967, ông đưa mẹ lên Sài Gòn sinh sống, ông có nhờ cháu là Đặng Văn Nhị (hiện đã chết) về ở nhà và trông coi đất đai, nhưng Nhị không biết rõ ranh giới đất. Tuy nhiên, ông biết rõ ranh giới đất của cha mẹ ông để lại. Ông vẫn đi về hàng tuần thăm nhà. Sau năm 1975, việc đi lại khó khăn nên khoảng một tháng ông về thăm nhà một lần, hiện trạng nhà và đất vẫn không thay đổi. Do có nhu cầu sử dụng đất nên ông đòi lại đất thì phát hiện ông Nhị đã tự ý kê khai đăng ký toàn bộ phần đất mà cha mẹ để lại cho ông được hưởng (do là con út nên ông được hưởng toàn bộ phần đất do cha mẹ để lại, có xác nhận quyền thừa kế của các anh em trong gia đình ngày 23/7/2004). Khi đó, ông Nhị đã thỏa thuận chỉ giao lại cho ông một phần đất có diện tích 1.075m<sup>2</sup> thuộc thửa 391, tờ bản đồ số 4 và ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/10/2005. Riêng các phần đất còn lại ông chưa làm thủ tục kê khai đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Đặng Văn Sướng là chủ sử dụng đất liền kề đã lấn chiếm của ông phần đất có diện tích, vị trí tương ứng với phần đất ông đang tranh chấp và nhập vào thửa 202 của ông Sướng. Phần đất này, ông Nhị không biết rõ ranh giới đất, nên không đăng ký cấp giấy. Việc ông Sướng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 202 (trong đó có phần tranh chấp) là không đúng trình tự, thủ tục, không ký giáp ranh đối với các chủ liền kề. Ông Sướng lợi dụng lúc ông không có ở địa phương, kê khai, đăng ký luôn phần đất của ông. Sau đó, ông Sướng tặng phần đất này lại cho bà M. Do phần đất này hiện bà M sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất nên ông tranh chấp với bà M. Theo mảnh trích đo bản đồ địa chính xác định vị trí A do ông S đứng tên nhưng bà M là người trực tiếp sử dụng.

Ông H khởi kiện yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Đặng Thị M trả cho ông phần đất diện 167m<sup>2</sup> tương ứng với vị trí B của Mảnh trích đo địa chính số 170-2021; yêu cầu bà M trả cho ông H 4m<sup>3</sup> cát (hoặc quy đổi ra tiền) mà bà M san bằng phần cát ông H đã san lấp tại diện tích 50m<sup>2</sup> nêu trên. Yêu cầu ông Đặng Văn S trả cho ông phần đất có diện tích 3,5m<sup>2</sup> tương ứng với vị trí A của Mảnh trích đo địa chính số 170-2021.

- Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp cho bà M, cấp cho ông S đối với phần đất tranh chấp nêu trên.

*Bị đơn bà Đặng Thị M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Theo bà biết, cách đây hơn 40 năm, mẹ của bà có mua đất của bà Khiết là thửa 202. Cách nay hơn 31 năm, mẹ của bà cho bà một phần của thửa đất trên, bà cất nhà ở riêng cho đến nay. Đến năm 1996, mẹ bà giao toàn bộ thửa 202 cho ông Đặng Văn Sướng đứng tên. Đến năm 2004, ông Sướng làm thủ tục tách thửa 395 (tách từ thửa 202) cho bà đứng tên. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà không đồng ý vì phần đất này có nguồn gốc của mẹ bà để lại, không phải của ông H.

Đối với yêu cầu bà trả cho ông H 4m<sup>3</sup> cát, bà không đồng ý. Khi ông H cho người đổ cát trên phần đất của bà, bà có nói với ông H bà không đồng ý nhưng ông H cho rằng đất của ông nên đổ cát. Do đó, bà đã cào số cát trên lên phần lề đường trước sự chứng kiến của ông H, bà không có lấy cũng như sử dụng phần cát này của ông H. Sau đó, ông H đi về thành phố nên cát trôi đi đâu bà không biết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn S trình bày:* Theo Mảnh trích đo địa chính số 170-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cần G duyệt ngày 14/4/2021, vị trí A có diện tích 3,5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 200 do ông Đặng Văn S đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc gia đình ông nhận chuyển nhượng. Trên thực tế phần đất này nằm phía trong hàng rào nhà bà M, bà M sử dụng ổn định từ trước đến nay, gia đình ông không sử dụng phần đất này. Cạnh hàng rào nhà bà M là lối đi nhỏ vào các thửa đất bên trong như thửa 406, 405 của các con ông (phần lối đi này thuộc thửa số 200 do ông đứng tên). Do đó, ông S xác định phần vị trí A trong Mảnh trích đo thuộc quyền sử dụng của bà M, ông không tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án này. Ông S yêu cầu vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim X trình bày:* Bà là vợ của ông Đặng Văn S, bà thống nhất với ý kiến của ông S và yêu cầu vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Cần G trình bày tại Văn bản số 3250/UBND-NC ngày 20/6/2022 như sau:* Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận cho bà Đặng Thị M đối với thửa số 395, tờ bản đồ số 4, tại xã Phước H là đúng theo quy định pháp luật, căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/7/2004 giữa ông Đặng Văn Sướng và bà Đặng Thị M. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định và yêu cầu vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Sự việc đã được Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần G đã căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 Bộ luật Dân sự; Điều 95, 166, 170 Luật Đất đai; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Phú H về việc:

- Yêu cầu bà Đặng Thị M trả cho ông phần đất có diện tích là 167m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 395 (do bà Đặng Thị M đứng tên quyền sử dụng đất), tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Long G, xã Phước H, huyện Cần G, tỉnh Long An và ông Đặng Văn S trả lại cho ông phần đất có diện tích 3,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 200 (do ông Đặng Văn S đứng tên quyền sử dụng đất), tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Long G, xã Phước H, huyện Cần G, tỉnh Long An tương ứng với vị trí B và vị trí A trong Mảnh trích đo địa chính số 170-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 14-4-2021.

- Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị M, ông Đặng Văn S đối với phần đất tranh chấp nêu trên.

- Yêu cầu bà Đặng Thị M trả cho ông Đặng Phú H 4m<sup>3</sup> cát (hoặc quy đổi ra tiền).

2. Về án phí: Ông Đặng Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên không phải nộp.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Đặng Phú H phải chịu 2.623.000 đồng, ông H đã nộp đủ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực, ngày 23/8/2022, nguyên đơn ông Đặng Phú Hạnh kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Ông Đặng Phú H trình bày nội dung kháng cáo cho rằng: Nguồn gốc phần đất tranh chấp của ông, bà ông để lại sử dụng đến năm 1975, ông chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nhưng thường xuyên về thăm nhà đất. Lúc về, ông có thấy phía gia đình bà M sử dụng đất; do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông không tranh chấp. Đến khi Nhà nước mở rộng đường Hủ Tiếu, ông có cho người đổ cát trên phần đất tranh chấp để làm nơi đậu xe ô tô nhưng bà M ngăn cản và cào cát của ông lên bờ lộ. Do không muốn mâu thuẫn tiếp tục xảy ra nên ông bỏ về Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ông làm đơn khởi kiện. Mặc dù, phần đất này gia đình ông chưa

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có nguồn gốc của gia đình ông. Lợi dụng lúc ông không có ở địa phương nên ông Đặng Văn S, ông Đặng Văn Sướng đã chiếm đất của ông cho bà M, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Bị đơn bà Đặng Thị M trình bày: Nguồn gốc phần đất này của gia đình bà nhận chuyển nhượng từ trước năm 1980, do anh của bà là ông Đặng Văn Sướng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 202, ông Sướng tách một phần thửa đất 202 thành thửa 395 cho tặng cho bà, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật, bà đã xây hàng rào không ai tranh chấp. Quá trình các bên sử dụng đất đúng ranh, ổn định. Đến khoảng năm 2017, ông H tự ý đến đổ cát lên phần đất của bà, bà ngăn cản và cào cát lên lộ lộ có sự chứng kiến của ông H. Bà không sử dụng đất và cát của ông H nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Ông Đặng Phú H khởi kiện cho rằng phần đất tranh chấp tại vị trí A và vị trí B có nguồn gốc của ông bà, cha mẹ ông H để lại. Tuy nhiên, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có quá trình sử dụng đất. Ông H thừa nhận rằng ông chưa được cấp quyền sử dụng đất đối với toàn bộ phần đất tranh chấp nêu trên. Nguồn gốc phần đất của gia đình bà M và ông S nhận chuyển nhượng sử dụng ổn định, lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật. Do đó, ông H yêu cầu bà M, ông S trả đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M, ông S là không có cơ sở chấp nhận. Đối với việc ông H yêu cầu bà M trả lại 4m<sup>3</sup> cát, ông H không có chứng cứ chứng minh việc bà M đã sử dụng phần cát nêu trên và phía bà M không thừa nhận có sự việc bà M lấy số cát trên nên yêu cầu này không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Phú H được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018, ngày 24/11/2018, ông Đặng Phú H khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị M trả lại phần đất lấn chiếm thuộc một phần thửa 395, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M đối với phần đất nêu trên, yêu cầu bà M bồi thường 4m<sup>3</sup> cát lấp. Sau khi có kết quả đo đạc thì phần đất tranh chấp được thể hiện

tại vị trí B diện tích 167m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 395 do bà M đứng tên quyền sử dụng đất và vị trí A diện tích 3,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 200 do ông Đặng Văn S đứng tên quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân huyện Cần G thụ lý vụ án, xác định ông H là nguyên đơn, bà M là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông S, bà Xuyên, Ủy ban nhân dân huyện Cần G là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị Kim X, đại diện Ủy ban nhân dân huyện Cần G vắng mặt, có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Nguyên đơn ông Đặng Phú H khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị M trả phần đất diện tích 167m<sup>2</sup> (vị trí B) thuộc một phần thửa số 395 do bà M đứng tên quyền sử dụng đất, yêu cầu ông Đặng Văn S trả diện tích 3,5m<sup>2</sup> (vị trí A) thuộc một phần thửa số 200 do ông S đứng tên quyền sử dụng đất, yêu cầu bà M trả cho ông H 4m<sup>3</sup> cát (hoặc quy đổi ra tiền), hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp cho bà M, cấp cho ông S đối với phần đất tranh chấp nêu trên theo mảnh trích đo địa chính số 170-2021.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Ông H kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Viện kiểm sát không kháng nghị. Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi liên quan đến yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thấy rằng:

Phần đất tranh chấp tương ứng với vị trí khu A diện tích 3,5m<sup>2</sup> và khu B diện tích 167m<sup>2</sup> theo Mảnh trích đo địa chính số 170-2021, hiện do bà Đặng Thị M trực tiếp quản lý, sử dụng. Trong quá trình sử dụng bà M đã rào toàn bộ phần đất của bà và thống nhất ranh với chủ liền kề là ông Đặng Văn S. Mặc dù vị trí B thể hiện đất thuộc một phần thửa số 200 do ông S đứng tên quyền sử dụng đất nhưng ông S và bà M đều xác định phần đất này từ trước đến nay do bà M sử dụng ổn định và không có tranh chấp. Theo bà M, thửa số 395 có nguồn gốc của mẹ bà để lại, trước đây thuộc thửa số 202 do anh ruột là ông Đặng Văn Sướng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Sau đó, ông Sướng làm thủ tục tách một phần thửa đất 202 (thành thửa 395) tặng cho bà M và bà M được Ủy ban nhân dân huyện Cần G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 395 vào ngày 10/8/2004. Ủy ban nhân dân huyện Cần G xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà M là đúng quy định pháp luật. Bà M được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 395, ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 200 thông qua giao dịch dân sự.

Theo ông H, phần vị trí đất tranh chấp tương ứng với vị trí đất của cha mẹ ông để lại từ trước năm 1975. Quá trình sử dụng đất, ông nhờ cháu là ông Đặng Văn

Nhị (đã chết) quản lý, trông coi nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất này cha, mẹ của ông hoặc ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có quá trình sử dụng đất lâu dài nhưng bị bà M lấn chiếm.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu bà M và ông S trả lại phần đất có diện tích 170,5m<sup>2</sup> tại vị trí tương ứng với vị trí A và vị trí B theo Mảnh trích đo địa chính số 170-2021 và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M và của ông S đối phần đất này là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H về việc yêu cầu bà M bồi thường cho ông 4m<sup>3</sup> cát lấp, bồi thường bằng hiện vật hoặc giá trị, thấy rằng:

Ông H và bà M đều xác định có việc ông H cho người đổ cát tại phần đất trước nhà bà M tại vị trí giáp đường Hủ Tiếu. Khi người của ông H đổ cát bà M đã ngăn cản và bà đã cào cát lại lên lề đường, ông H có chứng kiến và bỏ về Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H cho rằng trong lúc ông không có mặt bà M đã tự ý sử dụng số cát trên. Lời trình bày này của ông H không được bà M thừa nhận, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu bà M bồi thường 4m<sup>3</sup> cát là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của ông H. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Phú H được miễn án phí.

[9] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Phú H.

Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần G.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 Bộ luật Dân sự; Điều 95, 166, 170 Luật Đất đai; Điều 12, 26, 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Phú H về việc:

- Yêu cầu bà Đặng Thị M trả cho ông phần đất có diện tích là 167m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 395 (do bà Đặng Thị M đứng tên quyền sử dụng đất), tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Long G, xã Phước H, huyện Cần G, tỉnh Long An và ông Đặng Văn S trả lại cho ông phần đất có diện tích 3,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 200 (do ông Đặng Văn S đứng tên quyền sử dụng đất), tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Long G, xã Phước H, huyện Cần G, tỉnh Long An tương ứng với vị trí B và vị trí A trong Mảnh trích đo địa chính số 170-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần G duyệt ngày 14/4/2021.

- Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị M, ông Đặng Văn S đối với phần đất tranh chấp nêu trên.

- Yêu cầu bà Đặng Thị M trả cho ông Đặng Phú H 4m<sup>3</sup> cát (hoặc quy đổi ra tiền).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên không phải nộp.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Đặng Phú H phải chịu 2.623.000 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng), ông H đã nộp đủ và chi phí xong.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Phú H được miễn án phí.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần G;
- Chi cục THADS huyện Cần G;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hồng Vân**